

## NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
trình độ đại học ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế đầu tư  
của Học viện Ngân hàng

### HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 562/QĐ-KĐCLGDSG ngày 20/11/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế đầu tư Học viện Ngân hàng;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 11 ngày 26/4/2024.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế đầu tư Học viện Ngân hàng của đoàn Đánh giá ngoài. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế đầu tư Học viện Ngân hàng đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế đầu tư Học viện Ngân hàng sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 47/50 tiêu chí (chiếm 94%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 2.** Kiến nghị Học viện Ngân hàng cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế đầu tư (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 3.** Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế đầu tư cho Học viện Ngân hàng theo quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Học viện Ngân hàng;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Kim Dung**

**Phụ lục I.**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KINH TẾ, CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ**  
**ĐẦU TƯ CỦA HỌC VIỆN NGÂN HÀNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/4/2024  
của Hội đồng KĐCLGD)

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                          |                                    | Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn      |                          |                                    |  |  |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|------------------------------------|-------------------------|----------------------------|----------------------------------|--------------------------|------------------------------------|--|--|
|                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số<br>tiêu<br>chí<br>đạt | Tỷ lệ<br>số tiêu<br>chí đạt<br>(%) |                         |                            | Mức<br>trung<br>bình             | Số<br>tiêu<br>chí<br>đạt | Tỷ lệ<br>số tiêu<br>chí đạt<br>(%) |  |  |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |                            |                             |                          |                                    | <b>Tiêu chuẩn 7</b>     |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
| Tiêu chí 1.1            | 4                          | 3,67                        | 2                        | 66,67                              | Tiêu chí 7.1            | 4                          | 4,00                             | 5                        | 100                                |  |  |
| Tiêu chí 1.2            | 3                          |                             |                          |                                    |                         |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
| Tiêu chí 1.3            | 4                          |                             |                          |                                    |                         |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |                            |                             |                          |                                    | <b>Tiêu chuẩn 8</b>     |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
| Tiêu chí 2.1            | 3                          | 3,67                        | 2                        | 66,67                              | Tiêu chí 7.4            | 4                          |                                  |                          |                                    |  |  |
| Tiêu chí 2.2            | 4                          |                             |                          |                                    |                         |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
| Tiêu chí 2.3            | 4                          |                             |                          |                                    |                         |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |                            |                             |                          |                                    | Tiêu chí 8.1            | 4                          | 4,20                             | 5                        | 100                                |  |  |
| Tiêu chí 3.1            | 4                          | 3,67                        | 2                        | 66,67                              | Tiêu chí 8.2            | 4                          |                                  |                          |                                    |  |  |
| Tiêu chí 3.2            | 3                          |                             |                          |                                    |                         |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
| Tiêu chí 3.3            | 4                          |                             |                          |                                    |                         |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |                            |                             |                          |                                    | <b>Tiêu chuẩn 9</b>     |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
| Tiêu chí 4.1            | 4                          | 4,00                        | 3                        | 100                                | Tiêu chí 9.1            | 4                          | 4,00                             | 5                        | 100                                |  |  |
| Tiêu chí 4.2            | 4                          |                             |                          |                                    |                         |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
| Tiêu chí 4.3            | 4                          |                             |                          |                                    |                         |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |                            |                             |                          |                                    | Tiêu chí 9.2            | 4                          |                                  |                          |                                    |  |  |
| Tiêu chí 5.1            | 4                          | 4,20                        | 5                        | 100                                | Tiêu chí 9.3            | 4                          |                                  |                          |                                    |  |  |
| Tiêu chí 5.2            | 4                          |                             |                          |                                    |                         |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
| Tiêu chí 5.3            | 4                          |                             |                          |                                    |                         |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
| Tiêu chí 5.4            | 4                          |                             |                          |                                    |                         |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
| Tiêu chí 5.5            | 5                          |                             |                          |                                    |                         |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>     |                            |                             |                          |                                    | <b>Tiêu chuẩn 10</b>    |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
| Tiêu chí 6.1            | 4                          | 4,14                        | 7                        | 100                                | Tiêu chí 9.4            | 4                          | 4,17                             | 5                        | 100                                |  |  |
| Tiêu chí 6.2            | 4                          |                             |                          |                                    |                         |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
| Tiêu chí 6.3            | 4                          |                             |                          |                                    |                         |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
| Tiêu chí 6.4            | 4                          |                             |                          |                                    |                         |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
| Tiêu chí 6.5            | 4                          |                             |                          |                                    |                         |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
| Tiêu chí 6.6            | 5                          |                             |                          |                                    |                         |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
| Tiêu chí 6.7            | 4                          |                             |                          |                                    |                         |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
|                         |                            |                             |                          |                                    | Tiêu chí 10.1           | 4                          | 4,40                             | 5                        | 100                                |  |  |
|                         |                            |                             |                          |                                    | Tiêu chí 10.2           | 4                          |                                  |                          |                                    |  |  |
|                         |                            |                             |                          |                                    | Tiêu chí 10.3           | 4                          |                                  |                          |                                    |  |  |
|                         |                            |                             |                          |                                    | Tiêu chí 10.4           | 5                          |                                  |                          |                                    |  |  |
|                         |                            |                             |                          |                                    | Tiêu chí 10.5           | 4                          |                                  |                          |                                    |  |  |
|                         |                            |                             |                          |                                    | Tiêu chí 10.6           | 4                          |                                  |                          |                                    |  |  |
|                         |                            |                             |                          |                                    | <b>Tiêu chuẩn 11</b>    |                            |                                  |                          |                                    |  |  |
|                         |                            |                             |                          |                                    | Tiêu chí 11.1           | 5                          | 4,40                             | 5                        | 100                                |  |  |
|                         |                            |                             |                          |                                    | Tiêu chí 11.2           | 4                          |                                  |                          |                                    |  |  |
|                         |                            |                             |                          |                                    | Tiêu chí 11.3           | 5                          |                                  |                          |                                    |  |  |
|                         |                            |                             |                          |                                    | Tiêu chí 11.4           | 4                          |                                  |                          |                                    |  |  |
|                         |                            |                             |                          |                                    | Tiêu chí 11.5           | 4                          |                                  |                          |                                    |  |  |
| <b>Mức trung bình</b>   |                            |                             |                          |                                    | <b>Số tiêu chí đạt</b>  |                            | <b>Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)</b> |                          |                                    |  |  |
| <b>4,06</b>             |                            |                             |                          |                                    | <b>47</b>               |                            | <b>94,0</b>                      |                          |                                    |  |  |



**Phụ lục II.**  
**KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KINH TẾ, CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ**  
**ĐẦU TƯ CỦA HỌC VIỆN NGÂN HÀNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/4/2024  
 của Hội đồng KĐCLGD)*

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế đầu tư của Học viện Ngân hàng, giai đoạn 2018 - 2023 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu chương trình đào tạo trình độ cử nhân ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế đầu tư được xác định rõ ràng theo định hướng CDIO, phù hợp với sứ mạng tầm nhìn của Học viện Ngân hàng, phù hợp với Luật Giáo dục đại học hiện hành và các thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục và đào tạo. Chuẩn đầu ra ban hành năm 2019 đã xác định cụ thể các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và tính tự chủ và trách nhiệm của người học cần đạt khi hoàn thành chương trình đào tạo, được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Học viện Ngân hàng. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham khảo ý kiến đóng góp của các bên liên quan và được công bố công khai; được định kỳ rà soát, điều chỉnh.

2. Bản mô tả chương trình đào tạo năm 2023 được Khoa xây dựng công phu, có đầy đủ thông tin theo hướng CDIO. Các thông tin cốt lõi về chương trình đào tạo được phổ biến đến các bên liên quan, qua các hoạt động quảng bá tuyển sinh và trên trang thông tin điện tử của Học viện Ngân hàng. Các đề cương chi tiết học phần của chương trình đào tạo được biên soạn theo mẫu thống nhất chung, được định kỳ rà soát, cập nhật, được giới thiệu và phổ biến đến người học. Hệ thống đề cương chi tiết học phần ban đã xác định cụ thể nội dung kiến thức, phương pháp và hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá.

3. Chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh thường xuyên, đảm bảo khối lượng tín chỉ theo quy định, nội dung có tính cập nhật và đáp ứng được yêu cầu phát triển của chuyên ngành. Khi rà soát, điều chỉnh có tham khảo một số chương trình đào tạo trong và ngoài nước, có lấy ý kiến của các bên liên quan. Các học phần trong chương trình với các tổ hợp, các phương pháp giảng dạy, hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá đều xác định mức độ đóng góp để đạt được chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

4. Các hoạt động dạy và học của chương trình đào tạo được thiết kế khá đa dạng, phong phú, phù hợp với yêu cầu đặc thù của chương trình đào tạo Cử nhân ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế đầu tư; và được triển khai phù hợp trong thực tế. Cách tiếp cận và phương pháp giảng dạy được áp dụng để hướng tới chuyển tải mục tiêu giáo dục của Học viện Ngân hàng là “chất lượng” và dạy phương pháp học, tổ chức các hình thức thực hành, rèn luyện kỹ năng.

5. Quy trình đánh giá kết quả học tập của người học được quy định, hướng dẫn và được Khoa thực hiện. Thời gian, tiêu chí, phương pháp kiểm tra đánh giá được thiết kế là phù hợp và có sự đa dạng để đo được mức đạt chuẩn đầu ra. Kiểm tra đánh giá được phản hồi kịp thời tới người học dưới nhiều hình thức. Quy trình

khieu nại về kết quả học tập được quy định và công bố công khai, giúp người học dễ dàng tiếp cận và phản hồi.

6. Học viện đã thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; đã ban hành đầy đủ các quy định về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. Các tiêu chí về tuyển dụng viên chức và nhà lao động cũng như các văn bản quy định và hướng dẫn đánh giá năng lực giảng viên, nghiên cứu viên, các quy định về xét thi đua khen thưởng được ban hành đầy đủ, đúng quy định và được phổ biến công khai, được thực hiện minh bạch. Công tác đánh giá năng lực của giảng viên thông qua bộ chỉ số KPIs và công tác bình xét thi đua được đa số giảng viên hài lòng và có tác dụng khuyến khích, tạo động lực phấn đấu trong đội ngũ giảng viên. Hằng năm, Học viện đã khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và triển khai hoạt động đào tạo, bồi dưỡng tương đối hiệu quả. Học viện có quy định cụ thể loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và đã triển khai giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.

7. Học viện Ngân hàng có kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020; chiến lược phát triển giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045; xây dựng đề án vị trí việc làm quy định rõ yêu cầu về chuyên môn, trình độ của đội ngũ nhân viên tương ứng từng vị trí việc làm. Đề án vị trí việc làm cũng đã có công việc hỗ trợ, phục vụ của đội ngũ nhân viên và gắn với số lượng người làm việc cần thiết. Năng lực của đội ngũ nhân viên của được thể hiện ở nhiều văn bản do Học viện ban hành trong đó có quy định đánh giá kết quả thực hiện công việc (KPI) tại Học viện với các tiêu chí đã được lượng hóa cho nhân viên. Học viện quan tâm đến việc phát triển đội ngũ nhân viên, đã dành một phần kinh phí và cử nhân viên tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Hằng năm, Học viện đã khảo sát, đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của nhân viên làm căn cứ để tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Học viện đã thu thập ý kiến đánh giá về mức độ hài lòng của đội ngũ nhân viên về chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học thông qua các buổi đối thoại với người học hằng năm, khảo sát của người học trước tốt nghiệp về chương trình đào tạo.

8. Chính sách và quy định về tuyển sinh của Học viện rõ ràng, đúng các quy định hiện hành được nêu rõ trong đề án tuyển sinh hằng năm cùng đầy đủ thông tin theo quy định và được cập nhật phù hợp với quy chế tuyển sinh do Bộ GD&ĐT ban hành, được công khai và có sự góp ý của một số bên liên quan. Các tiêu chí tuyển chọn người học được xác lập đầy đủ, chi tiết, đảm bảo các ngưỡng chất lượng đầu vào theo quy định, đồng thời có tính đến đặc thù của chuyên ngành. Quá trình học tập và rèn luyện của người học được giám sát chặt chẽ và hiệu quả bởi một hệ thống phù hợp với sự tham gia của nhiều đơn vị và sự trợ giúp của phần mềm quản lý đào tạo; các hoạt động tư vấn, dịch vụ hỗ trợ học tập và khả năng có việc làm của người học đa dạng, phong phú, hiệu quả; môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan thân thiện.

9. Học viện có hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp dành cho chương trình đào tạo. Thư viện có nguồn

tài liệu phù hợp, phong phú, được bổ sung hằng năm và đáp ứng đầy đủ nhu cầu về tài liệu cho giảng viên và người học. Các phòng thực hành cùng trang thiết bị và hệ thống công nghệ thông tin phù hợp, được kiểm tra thường xuyên, định kỳ bảo dưỡng, cập nhật để đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học. Học viện có môi trường sạch, đẹp; các biện pháp để bảo vệ môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật được xác định và triển khai thực hiện.

10. Học viện/Khoa có các quy định và có triển khai rà soát, đánh giá thường xuyên, có chính sách và đầy đủ các văn bản và quy định, yêu cầu rõ ràng, có định kỳ đánh giá mức độ đáp ứng và có thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Đội ngũ đảm bảo chất lượng của Học viện chuyên nghiệp, nhiệt tình và được đào tạo bài bản.

11. Học viện có xác lập, giám sát và đối sánh tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học với các chương trình đào tạo khác trong Học viện. Học viện có hệ thống phần mềm hỗ trợ quản lý dữ liệu người học do Phòng Đào tạo quản lý. Phòng phối hợp với ban quản lý/điều phối các chương trình đào tạo và Khoa/bộ môn thực hiện khảo sát hằng năm về tình hình việc làm của người học tốt nghiệp nhằm có các số liệu về tình trạng của người học tốt nghiệp và đối sánh với các chương trình đào tạo tương tự khác của Học viện. Tỉ lệ người học thôi học thấp, tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn khá cao. Thời gian tốt nghiệp trung bình của người học tương đối phù hợp với thiết kế; tỉ lệ phản hồi khảo sát việc làm và tỉ lệ có việc làm cao. Mục tiêu, loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học cũng được quy định và giám sát ở cấp Học viện/Khoa. Học viện/ban/Khoa có nhiều hình thức khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan để cải tiến chất lượng.

Tuy nhiên, chương trình đào tạo còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Học viện Ngân hàng và Khoa Kinh tế cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Khoa cần rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo và lưu ý lấy ý kiến các bên liên quan một cách có hệ thống; đặc biệt đối với các nhà tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Khoa cần xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra thể hiện sự thống nhất và tránh sự trùng lặp mục tiêu chương trình đào tạo. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cần thể hiện chuẩn xác các mức năng lực có tính chuyên biệt, đặc thù và khả năng đo lường các chuẩn về kiến thức, kỹ năng, tính tự chủ, trách nhiệm cần đạt của người học theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Bậc 6- Trình độ đại học).

2. Khoa cần bổ sung ma trận phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá thể hiện sự đóng góp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Khoa nên tổ chức xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo bằng Tiếng Anh để có thể giới thiệu về chương trình đào tạo cho các đối tác nước ngoài như là kênh truyền thông để thu hút người học quốc tế và tăng khả năng “hội nhập” cho chương trình

đào tạo. Khoa cần rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần, học liệu tham khảo cập nhật, phong phú hơn để xây dựng chương trình dạy học phù hợp với mục tiêu và mức độ khả thi của học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Cần có các hình thức công bố công khai Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần đa dạng, phong phú hơn để các bên liên quan được biết, giám sát hoặc thực hiện hiệu quả.

3. Học viện Ngân hàng /Khoa cần thống nhất, xây dựng chuẩn đầu ra trong các đề cương chi tiết học phần, cần phải điều chỉnh cho phù hợp bậc đào tạo trình độ cử nhân. Đồng thời xây dựng ma trận phương pháp dạy học và hình thức kiểm tra đánh giá của các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo để sự đóng góp của các học phần chuẩn đầu ra về kỹ năng; năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Khoa cần định kỳ đánh giá tính hợp lý, đầy đủ của các môn học trong từng nhóm chuyên ngành cũng như thu thập và sử dụng ý kiến của giảng viên, người học, cựu người học về sự phù hợp của trình tự các môn học, nhu cầu tích hợp các môn học và làm rõ nội dung tiếp thu khi tham khảo các chương trình đào tạo tương đương bên ngoài.

4. Khoa cần đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học dưới nhiều hình thức (đề tài, hội thảo, bài báo) và có các chính sách khuyến khích người học tham gia nghiên cứu khoa học, lưu ý đến mục tiêu đào tạo nhân lực có trình độ cao, có khả năng kiến tạo và hội nhập quốc tế. Cần chú trọng hơn nữa việc phát triển các kỹ năng cho người học như: kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn; kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động doanh nghiệp.

5. Khoa cần lựa chọn, xác định chuẩn xác mức năng lực chuẩn đầu ra cụ thể cần đo lường đối với từng học phần; cần rà soát mức độ phù hợp của phương pháp đánh giá hiện tại dựa trên ma trận phát triển kỹ năng và chuẩn đầu ra để điều chỉnh. Đối với các học phần chuyên ngành nên sử dụng đa dạng các loại hình đánh giá trực tiếp các năng lực ứng dụng kiến thức vào thực tế, các năng lực tư duy bậc cao, mức độ rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, học tập suốt đời và khả năng kiến tạo của người học. Học viện Ngân hàng/Khoa cũng cần tổ chức xây dựng ngân hàng đề thi tiếp cận lý thuyết khảo thí hiện đại, khoa học đo lường đánh giá để đảm bảo độ tin cậy, độ phân biệt cho đề thi nhằm đánh giá được năng lực người học và mức độ đạt được chuẩn đầu ra của người học đối với từng học phần, đối với chương trình đào tạo.

6. Học viện/Khoa cần định kỳ đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược để có hướng đáp ứng kịp thời. Trong các đợt rà soát, điều chỉnh kế hoạch chiến lược tiếp theo, Học viện cần cụ thể hóa năng lực của giảng viên, nghiên cứu viên theo đặc thù của khối ngành. Học viện và Khoa cần đầu tư hơn nữa trong việc thu hút đội ngũ giảng viên có trình độ cao đồng thời tạo điều kiện cho các giảng viên đạt chuẩn PGS, đảm bảo nâng cao năng lực và đáp ứng quy mô đào tạo của Khoa/ngành. Học viện cần bổ sung công cụ hỗ trợ công tác quản lý, đánh giá giảng viên thông qua phần mềm và tiếp tục lượng hóa bộ chỉ số KPIs trong đánh giá giảng viên. Khoa cần tăng cường hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên theo hướng chuyên sâu về phát triển chương trình đào tạo. Khoa cần có chính sách thúc đẩy tăng cường công

bổ các sản phẩm khoa học công nghệ có chỉ số cao (Q1, Q2) nhằm nâng cao năng lực đội ngũ và tăng thương hiệu của Học viện và của Khoa.

7. Học viện cần chú trọng đến việc phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu khoa học, đảm bảo cho việc ổn định đội ngũ nhân viên phát triển, biến động về quy mô ngành đào tạo, số lượng người học. Học viện cần ban hành chính sách thu hút, tuyển dụng nhân viên, đặc biệt chính sách thu hút nhân viên chuyên trách có chuyên môn sâu quản lý và phục vụ. Học viện cần xem xét hoàn thiện bộ tiêu chí và tổ chức đánh giá năng lực của nhân viên chi tiết, cụ thể theo vị trí việc làm, phù hợp với khả năng hoàn thành nhiệm vụ của nhân viên theo KPIs đã xây dựng làm động lực phấn đấu nâng cao hiệu quả làm việc cho các nhân viên. Học viện cần tăng cường thêm kinh phí cho đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên, đặc biệt nhân viên làm việc tại Khoa chuyên môn.

8. Học viện cần mở rộng quy mô và số lượng xin ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là các cựu người học, người học tiềm năng để có thêm nhiều đóng góp vào việc xây dựng chính sách tuyển sinh, vùng và đối tượng tuyển sinh của Học viện. Học viện cần tăng cường đội ngũ cố vấn học tập, hoàn thiện cơ chế phối hợp, cập nhật, trao đổi thông tin giữa các chủ thể trong hệ thống giám sát; cải tiến giao diện điện tử giám sát sự tiến bộ của người học. Học viện cần tăng cường kết nối với doanh nghiệp, tổ chức các chương trình giao lưu thực tế để người học có cơ hội thực tế, thực tập, tìm kiếm việc làm. Việc khảo sát sự hài lòng của người học về hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ cần được thực hiện thường xuyên hơn và cần làm rõ được nguyên nhân chưa hài lòng của người học để có giải pháp khắc phục. Học viện cần tìm thêm chỗ sinh hoạt thể dục, thể thao, chỗ để xe cho người học.

9. Học viện cần bố trí thêm phòng làm việc, phòng đọc cho giảng viên. Học viện cần bổ sung máy tính, đầu tư trang thiết bị và nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin cho thư viện để đáp ứng yêu cầu tự động hóa trong quản lý thư viện và tổ chức dịch vụ trực tuyến. Học viện cần đầu tư nâng cấp phòng thực hành: nâng cấp mạng internet; bố trí thêm sân chơi thể dục thể thao cho người học; quan tâm đầy đủ hơn đến điều kiện đảm bảo môi trường, sức khỏe, an toàn của người khuyết tật và tư vấn sức khỏe tinh thần cho người học. Học viện cần căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực GD&ĐT quy định tại Thông tư 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/02/2020, quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở GDDH tại Thông tư số 14/2023 TT-BGDĐT ngày 17/07/2023 của Bộ GD&ĐT để có kế hoạch tăng cường đầu tư cơ sở vật chất chung cũng như của thư viện.

10. Học viện cần xây dựng đầy đủ cơ chế phản hồi của các bên liên quan một cách hệ thống để đánh giá, rà soát và định kỳ cải tiến. Học viện/Khoa cần thu thập ý kiến phản hồi và sự hài lòng của đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp về chương trình đào tạo nhiều hơn với mẫu lớn hơn. Học viện cần đẩy mạnh hơn nữa dự án xây dựng hệ thống số hóa cơ sở dữ liệu để tạo điều kiện cho các bên liên quan tiếp cận thông tin thuận lợi và dễ dàng hơn.

11. Học viện cần đẩy mạnh tiến trình đồng bộ và tích hợp dữ liệu, hướng dẫn các đơn vị phòng chức năng, các đơn vị đào tạo (Khoa và bộ môn) sử dụng dữ liệu



chính xác và đáng tin cậy trong quá trình ra quyết định. Việc định kỳ giám sát và đánh giá việc triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng của các đơn vị dựa trên dữ liệu và kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan; đặc biệt là người học, người học tốt nghiệp, nhà tuyển dụng và đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước là cần thiết cho sự phát triển của Học viện/Khoa.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Học viện Ngân hàng cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế đầu tư của Học viện Ngân hàng. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Học viện Ngân hàng cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn theo quy định hiện hành./.